

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2022

V/v “Ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thiều Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thiện;

2. Ông Vũ Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị P, sinh năm: 1959; Địa chỉ: Khu phố N, phường NS, thành phố T, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Hữu Ph, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Ấp T, xã Tr, Huyện D, tỉnh T. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-02-2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Phan Thị P trình bày:

Bà và ông Ph tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện G, tỉnh T. Quá trình chung sống đến năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình và bất đồng quan điểm sống, ông Ph tự bỏ nhà đi, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1991 cho đến nay. Quá trình ly thân mỗi người sống một nơi. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn với ông Ph

Về con chung: Có 02 con Phan Châu N, sinh năm: 1990 và Phan Bảo N1, sinh năm: 1991. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Hữu Ph trình bày: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Ph vắng mặt không có lý do, do vậy không có lời trình bày của ông Ph. Ông Ph vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh T có ý kiến như sau:

Về Tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do xem như ông Ph từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt Bà P và ông Ph.

Về nội dung: Bà P và ông Ph tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1988 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện G, tỉnh T, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân; do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống và ly thân đến nay. Nay Bà P xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn yêu cầu được ly hôn với ông Ph.

Xét thấy: Tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1991 quá trình ly thân hai bên không có giải pháp đoàn tụ gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà P đối với ông Ph. Về con chung: Phan Châu N, sinh năm 1990 và Phan Bảo N1, sinh năm 1991 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Do bà Phan Thị P là người cao tuổi theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì Bà P thuộc trường hợp được miễn tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về Tố tụng: Quá trình giải quyết và tại phiên Tòa hôm nay, ông Ph đã được tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không lý do xem như ông Ph từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Ph.

Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Bà P và ông Ph tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện G, tỉnh T nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ kiện Bà P giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Xét thấy: Hôn nhân giữa Bà P và ông Ph đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính, ông Ph tự bỏ nhà ra đi khi Bà P đang mang bầu người con tên Phan Bảo N1, thời gian ly thân từ năm 1991 cho đến nay hai bên không quan tâm đến nhau đã có cuộc sống riêng nên yêu cầu được ly hôn; do vậy tình trạng hôn nhân giữa Bà P và ông Ph đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà P đối với ông Ph là có căn cứ.

[3] Về con chung: Phan Châu N, sinh năm 1990 và Phan Bảo N1, sinh năm: 1991. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh T đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà P. Về con chung: Phan Châu N, sinh năm 1990 và Phan Bảo N1, sinh năm 1991. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy đề nghị này có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị P và ông Phạm Hữu Ph.
2. Về con chung: Phan Châu N, sinh năm 1990 và Phan Bảo N1, sinh năm 1991. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Án phí Dân sự sơ thẩm: Do bà Phan Thị P là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì Bà P thuộc trường hợp được miễn tiền án phí.
5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh T. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T,
- VKSND tỉnh T,
- VKSND Huyện DMC,
- THA Huyện DMC,
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Thiều Thị Phụng